

Số: 969/NQ-UBTVQH15

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Hướng dẫn việc tổ chức hoạt động giải trình
tại phiên họp Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 87/2015/QH13;

Theo đề nghị của Tổng Thư ký Quốc hội tại Tờ trình số 2873/TTr-TTKQH ngày 16 tháng 10 năm 2023, Báo cáo số 2403/BC-UBPL15 ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thường trực Ủy ban Pháp luật của Quốc hội và ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Phiên họp thứ 28,

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này hướng dẫn Điều 37, Điều 43 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và các quy định của pháp luật có liên quan về việc tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, bao gồm: nguyên tắc, phạm vi giải trình; tiêu chí lựa chọn vấn đề được giải trình, người được yêu cầu giải trình, người được yêu cầu tham gia giải trình; nguồn thông tin lựa chọn vấn đề được giải trình; trách nhiệm, quyền của người được yêu cầu giải trình, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan; trình tự, thủ tục tổ chức hoạt động giải trình; thực hiện kết luận vấn đề được giải trình; theo dõi, đôn đốc, báo cáo việc thực hiện kết luận vấn đề được giải trình của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động giải trình

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; không làm cản trở đến hoạt động bình thường của người được yêu cầu giải trình, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Bảo đảm khách quan, minh bạch, hiệu quả, linh hoạt, kịp thời.

3. Phiên giải trình của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội được tổ chức công khai, trừ trường hợp vấn đề được giải trình có nội dung liên quan đến bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, đời sống riêng tư, bí mật kinh doanh được pháp luật bảo vệ hoặc trường hợp khác do Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội quyết định.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và pháp luật có liên quan về bảo vệ bí mật công tác, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, đời sống riêng tư, bí mật kinh doanh.

Điều 3. Phạm vi giải trình

Vấn đề thuộc lĩnh vực phụ trách của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; vấn đề thuộc lĩnh vực phụ trách của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội và có liên quan đến lĩnh vực phụ trách của Ủy ban khác của Quốc hội, Hội đồng Dân tộc.

Điều 4. Tiêu chí lựa chọn vấn đề được giải trình và người được yêu cầu giải trình, người được yêu cầu tham gia giải trình

1. Vấn đề được giải trình được lựa chọn theo một trong các tiêu chí sau đây:

a) Vấn đề cụ thể, vụ việc xảy ra có tính thời sự, bức xúc, nổi lên trong thực tiễn đời sống xã hội; vấn đề được nhiều đại biểu Quốc hội, thành viên Hội đồng Dân tộc, thành viên Ủy ban của Quốc hội, dư luận, cử tri và Nhân dân quan tâm, đòi hỏi phải được làm rõ, giải quyết kịp thời để bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

b) Vấn đề xảy ra vi phạm pháp luật hoặc có nhiều hạn chế, yếu kém chậm được khắc phục;

c) Vấn đề đã ghi trong các nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chất vấn, giám sát chuyên đề hoặc kết luận vấn đề được giải trình, kiến nghị giám sát chuyên đề của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội nhưng thực hiện chưa hiệu quả, không đáp ứng được yêu cầu đề ra.

2. Người được yêu cầu giải trình là thành viên Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước. Việc lựa chọn người được yêu cầu giải trình đối với phiên giải trình cụ thể phải là người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước trực tiếp hoặc có chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm giải quyết đối với vấn đề được giải trình.

3. Người được yêu cầu tham gia giải trình là đại diện lãnh đạo Bộ, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc cá nhân khác có liên quan đến thẩm quyền quản lý nhà nước hoặc có chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm giải quyết đối với vấn đề được giải trình.

Điều 5. Nguồn thông tin lựa chọn vấn đề được giải trình

1. Đề xuất vấn đề được giải trình của thành viên Hội đồng Dân tộc, thành viên Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội.

2. Thông tin trong các nghị quyết, kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

về phân công tổ chức hoạt động giải trình.

3. Thông tin từ hoạt động dân nguyện của Quốc hội, từ kết quả giám sát, khảo sát của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

4. Thông tin tổng hợp từ hoạt động tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội.

5. Thông tin tổng hợp phục vụ hoạt động chất vấn tại kỳ họp Quốc hội, phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

6. Thông tin từ báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân về việc thực hiện các nghị quyết, kết luận giám sát của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

7. Thông tin từ báo cáo của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội về tình hình thi hành chính sách, pháp luật, giải quyết kiến nghị của cử tri.

8. Thông tin từ phương tiện thông tin đại chúng, dư luận xã hội, báo cáo nghiên cứu, điều tra, đánh giá khoa học hoặc từ các nguồn khác.

Điều 6. Trách nhiệm của người được yêu cầu giải trình, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan

1. Người được yêu cầu giải trình, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện đầy đủ kế hoạch, nội dung, yêu cầu giải trình của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; cung cấp thông tin liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trừ thông tin thuộc bí mật nhà nước mà theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước thì chủ thể yêu cầu không thuộc diện được tiếp cận; báo cáo trung thực, khách quan, đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền giám sát; thực hiện kết luận vấn đề được giải trình của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

2. Người được yêu cầu giải trình có trách nhiệm tham dự phiên giải trình để trực tiếp báo cáo, giải trình những vấn đề mà thành viên Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội tham dự yêu cầu giải trình; trường hợp do sự kiện bất khả kháng không thể tham dự phiên giải trình thì có thể ủy quyền cho cấp phó của mình tham dự và phải gửi văn bản đến Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội nêu rõ lý do ủy quyền và người được ủy quyền chậm nhất là 05 ngày trước ngày tiến hành phiên giải trình. Trong trường hợp này, người được yêu cầu giải trình phải chịu trách nhiệm về những nội dung do cấp phó của mình báo cáo, giải trình tại phiên giải trình; cấp phó được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước người đã ủy quyền về nội dung đã báo cáo, giải trình tại phiên giải trình.

3. Người được yêu cầu giải trình, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan phải chịu trách nhiệm về hành vi cản trở, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng yêu cầu trong kết luận vấn đề được giải trình.

Điều 7. Quyền của người được yêu cầu giải trình, của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến trách nhiệm giải trình

1. Được thông báo trước về thời gian, kế hoạch tổ chức, nội dung phiên giải trình, nội dung được yêu cầu giải trình, trả lời về vấn đề liên quan đến hoạt động giải trình.

2. Giải trình, bảo vệ tính đúng đắn trong việc thực hiện chính sách, pháp luật thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình liên quan đến yêu cầu giải trình.

3. Đề nghị Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội xem xét lại nội dung dự thảo kết luận vấn đề được giải trình trước khi thông qua; trường hợp không tán thành với kết luận vấn đề được giải trình và có căn cứ xác định kết luận vấn đề được giải trình chưa khách quan, chưa đúng thực tế thì tự mình hoặc báo cáo với người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đề nghị Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét lại kết luận vấn đề được giải trình.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIẢI TRÌNH

Điều 8. Trình tự, thủ tục lựa chọn vấn đề được giải trình, phạm vi, người được yêu cầu giải trình

1. Việc lựa chọn vấn đề được giải trình, người được yêu cầu giải trình trong chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội được thực hiện như sau:

a) Căn cứ tiêu chí lựa chọn vấn đề được giải trình quy định tại Điều 4 và nguồn thông tin lựa chọn vấn đề được giải trình quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này, Tiểu ban, Nhóm nghiên cứu đề xuất vấn đề được giải trình, phạm vi, người được yêu cầu giải trình;

b) Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội xem xét, dự kiến vấn đề được giải trình, phạm vi, người được yêu cầu giải trình, trình Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội quyết định trong chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội;

c) Trường hợp vấn đề được giải trình có liên quan đến lĩnh vực phụ trách của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban khác của Quốc hội, thì cơ quan chủ trì tổ chức phiên giải trình trao đổi với Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban có liên quan về việc phối hợp tổ chức hoạt động giải trình;

d) Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội trình Hội đồng Dân tộc, Ủy ban xem xét, thông qua chương trình giám sát năm sau của Hội đồng, Ủy ban, trong đó có dự kiến vấn đề được giải trình, phạm vi, người được yêu cầu giải trình.

2. Trường hợp do yêu cầu đột xuất của thực tiễn, Ủy ban Thường vụ Quốc hội phân công hoặc Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội thấy cần tổ chức phiên giải trình, thì Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban quyết định vấn đề được giải trình, phạm vi, người được yêu cầu giải trình, báo cáo Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội đồng thời với việc triệu tập phiên giải trình.

Điều 9. Việc điều hòa hoạt động giải trình của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội

1. Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội gửi đến Tổng Thư ký Quốc hội chương trình giám sát năm sau trong đó có nội dung về vấn đề giải trình, phạm vi, người được yêu cầu giải trình để tổng hợp, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát.

2. Tổng Thư ký Quốc hội thông báo ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều hòa hoạt động giám sát của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội trong đó có hoạt động giải trình. Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban tiếp thu, điều chỉnh chương trình giám sát năm sau, báo cáo Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

Điều 10. Xây dựng, ban hành kế hoạch tổ chức phiên giải trình

1. Căn cứ chương trình giám sát hằng năm hoặc yêu cầu đột xuất của thực tiễn nêu tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết này, Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội giao Tiểu ban, Nhóm nghiên cứu xây dựng kế hoạch tổ chức phiên giải trình, đề cương báo cáo của người được yêu cầu giải trình trình Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban xem xét, cho ý kiến trước khi Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban ký ban hành.

Trong quá trình xây dựng kế hoạch tổ chức phiên giải trình, trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội báo cáo, xin ý kiến Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách.

2. Trường hợp vấn đề được giải trình có liên quan đến lĩnh vực phụ trách của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban khác của Quốc hội, Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban chủ trì tổ chức phiên giải trình lấy ý kiến của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban có liên quan về dự thảo kế hoạch tổ chức phiên giải trình. Sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban có liên quan, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban chủ trì tổ chức phiên giải trình chỉ đạo tiếp thu, hoàn thiện và ký ban hành kế hoạch.

3. Kế hoạch tổ chức phiên giải trình phải nêu rõ mục đích, yêu cầu, vấn đề được giải trình, phạm vi, người được yêu cầu giải trình, người được yêu cầu tham gia giải trình, thời gian, địa điểm tổ chức phiên giải trình, mức độ công khai của phiên giải

trình, công tác thông tin, tuyên truyền, hoạt động khảo sát (nếu có) và các nội dung khác có liên quan.

Điều 11. Thông báo về tổ chức phiên giải trình

1. Nội dung, kế hoạch tổ chức phiên giải trình của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội theo chương trình giám sát được thông báo cho người được yêu cầu giải trình, thành viên Hội đồng Dân tộc, Ủy ban và đại biểu được mời tham dự phiên giải trình chậm nhất là 10 ngày trước ngày tiến hành phiên giải trình. Trường hợp cần thiết để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, kể cả trường hợp nêu tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết này, thời hạn thông báo có thể ngắn hơn sau khi thống nhất với người được yêu cầu giải trình nhưng không dưới 03 ngày trước ngày tiến hành phiên giải trình.

2. Việc tổ chức phiên giải trình của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội phải được thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Quốc hội và các hình thức phù hợp khác, trừ trường hợp vấn đề được giải trình có nội dung liên quan đến bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, đời sống riêng tư, bí mật kinh doanh được pháp luật bảo vệ hoặc trường hợp khác do Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội quyết định.

Điều 12. Xây dựng báo cáo và gửi báo cáo về nội dung giải trình của người được yêu cầu giải trình

Người được yêu cầu giải trình có trách nhiệm xây dựng báo cáo theo đề cương và gửi đến Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội chậm nhất là 05 ngày trước ngày tổ chức phiên giải trình; trường hợp cần thiết để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, kể cả trường hợp nêu tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết này, thời hạn gửi báo cáo có thể ngắn hơn sau khi thống nhất với Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội chủ trì tổ chức phiên giải trình.

Điều 13. Chuẩn bị tổ chức phiên giải trình

Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm:

1. Giao Tiểu ban, Nhóm nghiên cứu thực hiện nghiên cứu, làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về nội dung liên quan đến vấn đề được giải trình và tham mưu cho Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban ý kiến đánh giá đối với báo cáo về nội dung giải trình; trường hợp cần thiết thì đề nghị người được yêu cầu giải trình báo cáo bổ sung;

2. Chỉ đạo Tiểu ban, Nhóm nghiên cứu chuẩn bị tài liệu gửi trước đến đại biểu tham dự và tài liệu phục vụ tổ chức phiên giải trình; chuẩn bị dự thảo kết luận vấn đề được giải trình;

3. Tổ chức cuộc họp chuẩn bị cho phiên giải trình (nếu cần thiết).

Điều 14. Thành phần tham dự, hình thức, thời gian tổ chức phiên giải trình

1. Thành phần tham dự phiên giải trình bao gồm:

a) Thành viên Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội chủ trì tổ chức phiên giải trình;

b) Người được yêu cầu giải trình, người được yêu cầu tham gia giải trình;

c) Đại diện Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học, đối tượng chịu sự tác động của chính sách có thể được mời tham dự phiên giải trình.

2. Việc giải trình được tổ chức tại phiên họp Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội. Căn cứ tình hình thực tiễn, Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban quyết định việc tổ chức phiên giải trình theo hình thức họp trực tiếp, trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

3. Thời gian tổ chức phiên giải trình được bố trí phù hợp với nội dung của vấn đề được giải trình.

Điều 15. Trình tự, thủ tục tiến hành phiên giải trình

1. Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội chủ tọa phiên giải trình. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban điều hành từng nội dung trong phiên giải trình.

2. Phiên giải trình được tiến hành theo trình tự sau đây:

a) Nêu lý do, giới thiệu chủ tọa và thành phần tham dự phiên giải trình;

b) Chủ tọa nêu vấn đề yêu cầu giải trình, người có trách nhiệm giải trình;

c) Thành viên Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội tham dự nêu yêu cầu giải trình;

d) Người giải trình có trách nhiệm giải trình vấn đề được yêu cầu;

đ) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời tham dự phiên giải trình phát biểu ý kiến;

e) Chủ tọa tóm tắt nội dung phiên giải trình, dự kiến kết luận vấn đề được giải trình;

g) Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội xem xét, thông qua kết luận vấn đề được giải trình theo quy định tại Điều 16 của Nghị quyết này.

3. Phiên giải trình phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi hình khi cần thiết theo yêu cầu của cơ quan chủ trì tổ chức phiên giải trình.

Điều 16. Thông qua và gửi kết luận vấn đề được giải trình

1. Kết luận vấn đề được giải trình được thông qua tại phiên giải trình.

2. Việc thông qua kết luận vấn đề được giải trình được thực hiện như sau:

a) Chủ tọa phiên giải trình tóm tắt nội dung phiên giải trình, nêu dự kiến kết luận vấn đề được giải trình;

b) Người được yêu cầu giải trình, người được yêu cầu tham gia giải trình phát biểu ý kiến (nếu có) về dự kiến kết luận vấn đề được giải trình;

c) Các thành viên Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội chủ trì tổ chức phiên giải trình xem xét, biểu quyết thông qua kết luận vấn đề được giải trình.

Hình thức biểu quyết thông qua kết luận vấn đề được giải trình được thực hiện bằng bỏ phiếu kín, bằng giơ tay hoặc bằng hệ thống biểu quyết điện tử.

3. Kết luận vấn đề được giải trình được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội chủ trì tổ chức phiên giải trình biểu quyết tán thành. Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội xem xét, ký ban hành kết luận.

4. Kết luận vấn đề được giải trình phải có kiến nghị, yêu cầu cụ thể, rõ ràng, thời gian thực hiện, trách nhiệm thực hiện kết luận, trách nhiệm báo cáo việc thực hiện kết luận của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

5. Kết luận vấn đề được giải trình được gửi đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đại biểu Quốc hội, người được yêu cầu giải trình và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Quốc hội hoặc trên phương tiện thông tin đại chúng, trừ trường hợp phải bảo đảm bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, đời sống riêng tư, bí mật kinh doanh được pháp luật bảo vệ.

Chương III

THỰC HIỆN KẾT LUẬN VẤN ĐỀ ĐƯỢC GIẢI TRÌNH, THEO DÕI, ĐÔN ĐỐC, BÁO CÁO VIỆC THỰC HIỆN KẾT LUẬN

Điều 17. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận vấn đề được giải trình

1. Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội chủ động theo dõi, kịp thời đôn đốc cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện kết luận vấn đề được giải trình; xem xét, đánh giá báo cáo việc thực hiện kết luận và báo cáo kết quả thực hiện đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Việc theo dõi thực hiện kết luận vấn đề được giải trình được tổng hợp vào báo cáo giám sát của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

2. Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân không thực hiện, thực hiện không đầy đủ hoặc chậm thực hiện kết luận vấn đề được giải trình thì Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình và làm rõ trách nhiệm về việc không thực hiện, thực hiện không đầy đủ hoặc chậm thực hiện kết luận; kiến nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

3. Trường hợp Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có kiến nghị về việc không thực hiện, thực hiện không đầy đủ hoặc chậm thực hiện kết luận vấn đề được giải trình thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét kiến nghị giám sát theo trình tự quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Điều 50 Quy chế tổ chức thực hiện một số hoạt động giám sát của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội ban hành kèm theo Nghị quyết số 334/2017/UBTVQH14 ngày 11 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 18. Báo cáo kết quả thực hiện kết luận vấn đề được giải trình

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được yêu cầu thực hiện kết luận vấn đề được giải trình có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện kết luận theo yêu cầu tại kết luận hoặc theo yêu cầu đột xuất của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

2. Báo cáo kết quả thực hiện kết luận vấn đề được giải trình được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Quốc hội hoặc trên phương tiện thông tin đại chúng, trừ trường hợp phải bảo đảm bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, đời sống riêng tư, bí mật kinh doanh được pháp luật bảo vệ.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 20. Tổ chức thi hành

Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Tổng Thư ký Quốc hội, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động giải trình có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội kịp thời báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội (qua Tổng Thư ký Quốc hội) để xem xét, hướng dẫn, chỉ đạo giải quyết.

Nơi nhận:

- UBTVQH;
 - Chính phủ;
 - UBTWMTTQVN;
 - TANDTC, VKSNDTC;
 - Bộ, cơ quan ngang Bộ,
cơ quan thuộc Chính phủ;
 - Tổng KTNN;
 - Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của QH;
 - Ban CTĐB, Ban DN, Viện NCLP;
 - Tổng TKQH; VPQH;
 - Các Vụ, đơn vị thuộc VPQH;
 - Lưu: HC, GS.
- Epas: 8271

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

CHỦ TỊCH

(đã ký)

Vương Đình Huệ